

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-PT
Ngày: 09 - 12 - 2020
V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Tuấn

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Bà Trần Ngọc Bích –
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2020/TLPT – HNGĐ ngày 03 tháng
11 năm 2020 về “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 52/2020/HNGĐ-ST ngày 09
tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 45/2020/QĐ-PT ngày 06
tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Chị Cao Thị Minh C, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Cao Thị Cẩm T, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ HKTT: Ấp X1, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long.

Chỗ ở hiện nay: Ấp X2, xã Y2, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị T anh Đào Thanh N, sinh năm 1998 (Có mặt).*

Địa chỉ: Ấp X3, xã Y2, huyện Z1, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Chị Cao Thị Cẩm T – Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 13 tháng 7 năm 2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh H trình bày:

Năm 2008 anh H, chị C được cha, mẹ hai bên chấp thuận nên tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã Y huyện Z ngày 08/4/2008.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại ấp X, xã Y, huyện Z, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và sinh được 02 con chung là Nguyễn Cao Thanh T, sinh ngày 25 tháng 01 năm 2009, Nguyễn Cao Thành Đ, sinh ngày 30 tháng 4 năm 2017 hiện nay 02 con chung đang sống với chị Cao Thị Minh C. Năm 2016, vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, sau đó vợ chồng ly thân cho đến nay. Nay cảm thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không Đ nên anh H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn chị Cao Thị Minh C.

Về con chung: 02 con chung là cháu Nguyễn Cao Thanh T, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Nguyễn Cao Thành Đ, sinh ngày 30/4/2017 hiện đang sống với chị C. Sau khi ly hôn, anh H đồng ý giao cháu T và cháu Đ cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng, anh H cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền mỗi tháng là 1.000.000 đồng/cháu.

Về tài sản chung: Không đặt ra, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Cẩm T yêu cầu anh H trả số tiền vay 21.000.000 đồng vì anh H không có vay tiền như chị Cẩm T trình bày.

** Tại bản khai, tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án bị đơn chị Cao Thị Minh C trình bày:*

Qua phân trình bày của nguyên đơn, chị xác nhận là đúng về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung.

Riêng về nợ phải trả: Chị C và anh H có mượn Cao Thị Cẩm T số tiền là 42.000.000 đồng. Năm 2017 mượn 02 lần là 32.000.000 đồng, tháng 4 năm 2018 mượn tiếp 10.000.000 đồng. Mục đích mượn tiền chị T là lo cho con, chị C đồng ý trả chị T 21.000.000 đồng, yêu cầu anh H trả số tiền 21.000.000 đồng.

Con chung trên 07 tuổi của nguyên đơn và bị đơn là Cháu Nguyễn Cao Thanh T trình bày: Cháu là con của ông Nguyễn Thanh H và bà Cao Thị Minh C. Nếu Tòa án giải quyết cho cha mẹ cháu ly hôn thì cháu xin được sống với mẹ.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị Cẩm T là anh Đào Thanh Nam làm đại diện trình bày:* Chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu như theo đơn ngày 31/7/2020, yêu cầu anh H và chị C trả cho chị T số tiền 42.000.000 đồng. Lúc chị T cho anh H và chị C mượn tiền không có làm biên nhận, không có mặt anh H, giữa chị T, chị C có mối quan hệ chị em ruột nên chị T cho mượn tiền mục đích để nuôi con, chị C là người trực tiếp nhận tiền.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 52/2020/HNGĐ-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 227, 228 và Điều 235, 266 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 24 và Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Ghi nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự như sau:

1.1 Quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh H và chị Cao Thị Minh C.

1.2 Về Con chung: Giao con chung Nguyễn Cao Thanh T, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Nguyễn Cao Thành Đ, sinh ngày 30/4/2017 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi.

Anh Nguyễn Thanh H có quyền và nghĩa vụ tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

1.3 Tài sản chung: Không đặt ra, không yêu cầu nên miễn xét.

1.4 Về nợ: Chị Cao Thị Minh C có nghĩa vụ trả chị Cao Thị Cẩm T số tiền vay 21.000.000 đồng (Hai mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Cẩm T buộc anh Nguyễn Thanh H trả số tiền vay gốc 21.000.000đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 24/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị Cẩm T kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng buộc anh Nguyễn Thanh H phải trả cho chị T số tiền 21.000.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thanh H đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Bị đơn Cao Thị Minh C đề nghị anh H có trách nhiệm trả cho Cao Thị Cẩm T số tiền 21.000.000đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị Cẩm T có anh Đào Thanh N làm đại diện trình bày: Yêu cầu anh H phải trả số tiền vay là 21.000.000đồng.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của chị Cao Thị Cẩm T về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015: Sửa một phần Bản án sơ thẩm, chấp nhận kháng cáo của chị T, buộc anh H trả chị T 21.000.000đồng (Hai mươi một triệu đồng) và phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả tạm ứng án phí cho chị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 24/9/2020 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị Cẩm T kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nền đơn kháng cáo của chị T được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của chị T yêu cầu anh Nguyễn Thanh H phải trả cho chị T số tiền 21.000.000đồng. Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa anh H thừa nhận năm 2016 anh bỏ nhà đi, lúc này chị C đang mang thai cháu Nguyễn Cao Thành Đ. Khi anh đi vợ chồng không có nguồn tiền để dành, chị C không có nghề nghiệp. Từ khi anh đi đến lúc chị C sinh anh cũng không liên lạc và không phụ chi phí cho việc sinh cháu Đ và chi phí sinh hoạt hằng ngày cho cháu Nguyễn Cao Thanh T. Xét việc chị C vay 42.000.000đồng của chị T là em ruột chị C mặc dù anh H không thừa nhận có nợ tiền chị T và chị T cũng không có chứng cứ chứng minh. Nhưng xét điều kiện hoàn cảnh thực tế của chị C khi vay tiền là đang mang thai, nuôi con nhỏ, không nghề nghiệp ổn định, anh H bỏ đi thời gian cuối năm 2016 đến năm 2020 gửi đơn xin ly hôn chị C, không phụ chị C chi phí để nuôi con chung trong thời gian dài và lúc chị mang thai và sinh con không có nguồn tiền chung của vợ chồng nên việc chị C vay tiền để phục vụ cho nhu cầu thiết yếu cho

sinh hoạt hàng ngày là có xảy ra trên thực tế. Việc chị C vay 42.000.000đồng, chị C đồng ý trả chị T 21.000.000đồng, đối với 21.000.000đồng còn lại là số tiền không lớn so với thời gian dài chị C nuôi hai con chung, anh H không tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không phụ chi phí nuôi con cùng chị C nên anh H phải có nghĩa vụ trả 21.000.000đồng cho chị T là có căn cứ. Lẽ ra án sơ thẩm phải buộc anh H và chị C cùng trả nợ là phù hợp.

Án sơ thẩm tuyên xử giao 02 con chung là Nguyễn Cao Thanh T, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Nguyễn Cao Thành Đ, sinh ngày 30/4/2017 cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ/cháu cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi. Tuy nhiên, án sơ thẩm không nêu thời gian cấp dưỡng được tính từ thời gian nào, cần bổ sung thời gian cấp dưỡng nuôi con cụ thể: Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/9/2020).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị T, sửa án sơ thẩm.

[3] Về án phí:

Về án phí sơ thẩm: Chị Cao Thị Minh C phải chịu 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng); Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Hoàn trả chị Cao Thị Cẩm T 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số N⁰ 0002996 ngày 03/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên Chị T không phải chịu án phí phúc thẩm. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0003081 ngày 28/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít, theo khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về con chung, về án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cao Thị Cẩm T và sửa bản án sơ thẩm số: 52/2020/HNGĐ-ST ngày 09/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Cao Thanh T, sinh ngày 25/01/2009 và cháu Nguyễn Cao Thành Đ, sinh ngày 30/4/2017 cho chị Cao Thị Minh C tiếp tục nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/cháu cho đến khi 02 con chung tròn 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (09/9/2020).

Anh Nguyễn Thanh H có quyền và nghĩa vụ tới lui, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Cao Thị Cẩm T buộc anh Nguyễn Thanh H trả số tiền vay 21.000.000đồng (Hai mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Cao Thị Minh C phải chịu 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng); Anh Nguyễn Thanh H phải chịu 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng). Hoàn trả chị Cao Thị Cẩm T 1.050.000đồng (Một triệu không trăm năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo lai thu số N⁰ 0002996 ngày 03/8/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

Về án phí phúc thẩm: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo lai thu số 0003081 ngày 28/9/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mang Thít.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, về án phí hôn nhân sơ thẩm, án phí cấp dưỡng không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND H.MT: 01;
- Chi cục H. MT; 01;
- Đ/s: 03;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư